

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2025/HS-PT

Ngày: 13 - 11 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Bình

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 169/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Trường Q, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2025/HS – ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Phạm Trường Q**, sinh năm 1985. Nơi sinh: tại Cần Thơ. Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: làm vườn. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn T (c) và bà Nguyễn Thị Diệu H (s). Có vợ tên Trương Thị Bé S, chưa có con. Tiền án: không. Tiền sự: không.

Nhân thân:

Lần 1: Vào ngày 16/8/2014, bị Công an huyện P, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác (không tìm được hồ sơ lưu).

Lần 2: Vào ngày 19/04/2021, bị Công an thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích có mang theo vũ khí thô sơ với số tiền 2.500.000 đồng. Nộp phạt ngày 27/4/2021.

Bị cáo đang tại ngoại – Có mặt.

Ngoài ra vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/12/2023, bị cáo Phạm Trường Q đi nhận về ngang nhà Nhan Ngọc T1, bị cáo và T1 nói chuyện một lúc thì cả hai xảy ra cự cãi. Sau đó, bị cáo đi về nhà lấy 01 cái ná tự chế quay lại nhà T1 và lấy cây ná bắn trúng vào cửa nhà T1 bị thủng kính. Sau đó, T1 trình báo Công an xã G, nay là Công an xã P.

Quá trình điều tra mở rộng, xác định vì muốn có nhiều tiền tiêu xài, làm giàu nhanh, từ tháng 4/2022 đến ngày bị phát hiện là ngày 14/12/2023, bị cáo đã cho vay lãi nặng đối với lãi suất từ 10%/tháng đến 30%/tháng (01%/ngày) tương ứng 120%/năm đến 360%/năm. Bị cáo là người trực tiếp đưa tiền vay, thu lãi vay, tiền vốn gốc đối với người vay. Bị cáo cho vay khi nào trả hết tiền gốc thì trả hết nợ. Bị cáo đã cho vay cụ thể như sau:

1. Lý Ngọc T2: Lãi suất là 10%/tháng (120%/năm) vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mục đích vay tiền để mua bán. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T2 vay là 200.000.000 đồng. Cụ thể:

- Đợt 1: Từ ngày 02/7/2023 đến ngày 02/9/2023, bị cáo cho T2 vay 02 lần với số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

+ Lần 01, ngày 02/7/2023 (nhằm ngày 15/5/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 100.000.000 đồng, tính lãi 10.000.000 đồng/tháng, trong thời gian 02 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 20.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 3.333.333 đồng, thu lợi bất chính là 16.666.667 đồng. Đã trả nợ gốc 100.000.000 đồng.

+ Lần 02, ngày 09/7/2023 (nhằm ngày 22/5/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 100.000.000 đồng, tính lãi 10.000.000 đồng/tháng, trong thời gian 1,5 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 15.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.500.000 đồng, thu lợi bất chính là 12.500.000 đồng. Đã trả nợ gốc 100.000.000 đồng.

- Đợt 2: Ngày 28/11/2023 đến ngày 14/12/2023 là ngày phát hiện. Bị cáo cho T2 vay với số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Lần 03: Ngày 28/11/2023 (nhằm ngày 16/10/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 50.000.000 đồng, tính lãi là 5.000.000 đồng/tháng. Số tiền lãi đã thu 01 tháng là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 444.444 đồng, thu lợi bất chính là 4.555.556 đồng. Đã trả nợ gốc 50.000.000 đồng vào ngày 19/02/2024.

Như vậy, tổng số tiền gốc cho T2 vay là 250.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 40.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp 6.277.777 đồng, thu lợi bất chính 33.722.223 đồng. Đã trả gốc 250.000.000 đồng.

2. Trần Minh T3: Lãi suất là 10%/tháng (120%/năm) vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mục đích vay để tiêu xài cá nhân. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T3 vay là 10.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Lần 01, ngày 11/11/2023 (nhằm ngày 28/9/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 166.667 đồng, thu lợi bất chính là 833.333 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

+ Lần 02, ngày 01/01/2024 (nhằm ngày 20/11/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Đến ngày 03/01/2024 (nhằm ngày 22/11/2023 âm lịch), T3 đã trả lại tiền gốc 10.000.000 đồng cho bị cáo. Bị cáo không thu lãi và đã trả gốc nên khoản vay này không tính vào hành vi cho vay lãi nặng.

Như vậy, tiền gốc bị cáo cho T3 vay lần 01 là 10.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 166.667 đồng, thu lợi bất chính là 833.333 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

3. Nguyễn Thiện T4, vay 04 lần cụ thể như sau:

+ Lần 01, ngày 22/11/2023 (nhằm ngày 10/10/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, sau vài ngày đã trả gốc nên Q không thu lãi.

+ Lần 02, ngày 30/11/2023 (nhằm ngày 18/10/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, sau vài ngày đã trả gốc nên Q không thu lãi.

+ Lần 03, ngày 21/12/2023 (nhằm ngày 09/11/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, sau vài ngày đã trả gốc nên Q không thu lãi.

+ Lần 04, ngày 27/12/2023 (nhằm ngày 15/11/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, sau vài ngày đã trả gốc nên Bị cáo không thu lãi.

Như vậy, bị cáo đã cho T4 vay 04 lần, tổng số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng, không thu lãi và đã trả nợ gốc nên không tính vào hành vi cho vay lãi nặng.

4. Nguyễn Thị N: Lãi suất là 10%/tháng (120%/năm) vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mục đích vay tiền để mua bán trái cây. Khoản tiền bị cáo dùng để cho N vay là 30.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 02/3/2023 (nhằm ngày 11/02/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay 08 tháng, tổng số tiền lãi đã thu là 24.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 4.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng. Đã trả nợ gốc 30.000.000 đồng.

5. Phạm Hoàng N1: Lãi suất 15%/tháng (180%/năm) vượt 09 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mục đích vay tiền để đi làm hồ. Khoản tiền bị cáo dùng để cho N1 vay là 20.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Lần 01, ngày 17/7/2023 (nhằm ngày 30/5/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.500.000 đồng/tháng, tiền lãi đã thu 04 tháng là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 816.667 đồng, thu lợi bất chính là 5.183.333 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng vào tháng 7/2024.

+ Lần 02, ngày 08/8/2023 (nhằm ngày 22/6/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn vay 04 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu 04 tháng là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp tính đến

ngày 14/12/2023 là 700.000 đồng, thu lợi bất chính là 5.300.000 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng vào tháng 7/2024.

Như vậy, tổng số tiền gốc cho N1 vay là 20.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu 12.000.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp là 1.516.667 đồng, thu lợi bất chính là 10.483.333 đồng.

6. Trần Thanh B: Lãi suất là 15%/tháng (180%/năm) vượt 09 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho B vay là 10.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 02/6/2023 (nhằm ngày 15/4/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.500.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi đã thu 05 tháng là 7.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 1.066.667 đồng, thu lợi bất chính là 6.433.333 đồng. Chưa trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

7. Võ Thị Bích T5 (Muội): Lãi suất là 10%/tháng (120%/năm) vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T5 vay là 50.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Lần 01, ngày 13/10/2023 (nhằm ngày 29/8/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 01 tháng là 3.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 07/11/2023 là 416.667 đồng, thu lợi bất chính là 2.583.333 đồng. Đã trả gốc.

+ Lần 02, ngày 08/11/2023 (nhằm ngày 25/9/2023 âm lịch) vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng và gộp vốn lần 01 thành số tiền 50.000.000 đồng, tính lãi 5.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 07/12/2023 (nhằm ngày 25/10/2023 âm lịch). Tổng tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 805.556 đồng, thu lợi bất chính là 4.194.444 đồng. Đã trả gốc.

- Lần 3, ngày 20/12/2023 (nhằm ngày 08/11/2023 âm lịch), bị cáo cho T5 vay với số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Tính lãi 3.000.000 đồng/tháng. Chưa nộp lãi và đã trả gốc 30.000.000 đồng nên không tính vào hành vi cho vay lãi nặng.

Như vậy, tổng số tiền gốc cho T5 vay lần 01 và 02 là 50.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu 8.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 1.222.223 đồng, thu lợi bất chính là 6.777.777 đồng.

8. Nhan Ngọc T1: Lãi suất là 10%/tháng (120%/năm) vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T1 vay là 180.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Lần 01, ngày 23/5/2022 (nhằm ngày 23/4/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 07 tháng là 14.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 01/02/2023 là 2.766.667 đồng, thu lợi bất chính là 11.233.333 đồng. Gộp gốc vào ngày 01/02/2023.

+ Lần 02 ngày 06/6/2022 (nhằm ngày 08/5/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 06 tháng là 12.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 01/02/2023 là

2.622.222 đồng, thu lợi bất chính là 9.377.778 đồng. Gộp gốc vào ngày 01/02/2023.

+ Lần 03, ngày 21/6/2022 (nhằm ngày 23/5/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 06 tháng là 12.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 01/02/2023 là 2.455.556 đồng, thu lợi bất chính là 9.544.444 đồng. Gộp gốc vào ngày 01/02/2023.

+ Lần 04, ngày 06/7/2022 (nhằm ngày 08/6/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 333.333 đồng, thu lợi bất chính là 1.666.667 đồng. Đã trả vốn gốc sau 01 tháng.

+ Lần 05, ngày 06/7/2022 (nhằm ngày 08/6/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 05 tháng là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 01/02/2023 là 2.288.889 đồng, thu lợi bất chính là 7.711.111 đồng. Gộp gốc vào ngày 01/02/2023.

+ Lần 06, ngày 21/7/2022 (nhằm ngày 23/6/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 40.000.000 đồng, tính lãi 4.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 05 tháng là 20.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 01/02/2023 là 4.244.444 đồng, thu lợi bất chính là 15.755.556 đồng. Gộp gốc vào ngày 01/02/2023.

+ Lần 07, ngày 24/7/2022 (nhằm ngày 26/6/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 05 tháng là 10.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 01/02/2023 là 2.088.889 đồng, thu lợi bất chính là 7.911.111 đồng. Gộp gốc vào ngày 01/02/2023.

+ Lần 08, ngày 28/7/2022 (nhằm ngày 30/6/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 05 tháng là 10.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 01/02/2023 là 2.044.444 đồng, thu lợi bất chính là 7.955.556 đồng. Gộp gốc vào ngày 01/02/2023.

+ Lần 09, ngày 02/02/2023 cộng gộp vốn gốc các lần 01, 02, 03, 05, 06, 07, 08 với tổng số tiền là 160.000.000 đồng, tính lãi 16.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi đã thu 05 tháng là 80.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 30/6/2023 là 13.155.556 đồng, thu lợi bất chính là 66.844.444 đồng. Đã trả nợ gốc 60.000.000 đồng, còn nợ gốc 100.000.000 đồng.

+ Lần 10, ngày 01/7/2023 chuyển nợ gốc lần 09 còn lại là 100.000.000 đồng, tính lãi suất tháng 7/2023 là 3%/ tháng, từ tháng 8/2023 về sau là 10%/ tháng. Tổng lãi đã thu là 38.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 9.055.556 đồng, thu lợi bất chính là 28.944.444 đồng. Chưa trả nợ gốc 100.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc cho T1 vay là 180.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu 208.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 41.055.556 đồng, thu lợi bất chính là 166.944.444 đồng. Tổng tiền gốc đã trả là 80.000.000 đồng, còn nợ gốc 100.000.000 đồng.

9. Ngô Văn T6: Lãi suất là 15%/tháng, 180%/năm vượt 09 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T6 vay là 20.000.000 đồng. Cụ thể:

- Đợt 1: Từ ngày 24/3/2022 đến ngày 24/7/2022, bị cáo cho T6 như sau:

+ Lần 01, ngày 24/3/2022 (nhằm ngày 22/02/2022 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, tính lãi 750.000 đồng/tháng, thời hạn vay 04 tháng. Tổng số lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 333.333 đồng, thu lợi bất chính là 2.666.667 đồng. Đã trả nợ gốc 5.000.000 đồng.

+ Lần 02, ngày 01/4/2022 (nhằm ngày 01/3/2022 âm lịch) vay tiền gốc 5.000.000 đồng, tính lãi 750.000 đồng/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Tổng số lãi đã thu là 2.250.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 250.000 đồng, thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng. Đã trả nợ gốc 5.000.000 đồng.

+ Lần 03, ngày 11/6/2022 (nhằm ngày 13/5/2022 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, tính lãi 750.000 đồng/tháng, thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi đã thu là 750.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp 83.333 đồng, thu lợi bất chính là 666.667 đồng. Đã trả nợ gốc 5.000.000 đồng.

+ Lần 04, ngày 16/6/2022 (nhằm ngày 18/5/2022 âm lịch) vay tiền gốc là 3.000.000 đồng, tính lãi 450.000 đồng/tháng, trong thời gian 01 tháng, tiền lãi đã thu là 450.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 50.000 đồng, thu lợi bất chính là 400.000 đồng. Đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

+ Lần 05, ngày 21/6/2022 (nhằm ngày 23/5/2022 âm lịch) vay tiền gốc là 2.000.000 đồng, tính lãi 300.000 đồng/tháng, thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi đã thu là 300.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 33.333 đồng, thu lợi bất chính là 266.667 đồng. Đã trả nợ gốc 2.000.000 đồng.

- Đợt 2: Từ ngày 12/7/2023 đến ngày 14/12/2023, bị cáo cho T6 vay như sau:

+ Lần 06, ngày 12/7/2023 (nhằm ngày 25/5/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 4.000.000 đồng, tính lãi 600.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 02 tháng là 1.200.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 09/9/2023 là 128.889 đồng, thu lợi bất chính là 1.071.111 đồng. đã trả gốc 2.000.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000 đồng.

+ Lần 07, ngày 10/9/2023 chuyển nợ lần 06 là 2.000.000 đồng, tính lãi 300.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 03 tháng là 900.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 104.444 đồng, thu lợi bất chính là 795.556 đồng. Còn nợ gốc 2.000.000 đồng. Đã trả gốc 2.000.000 đồng sau ngày đối chất.

+ Lần 08, ngày 16/7/2023 (nhằm ngày 29/5/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 4.000.000 đồng, tính lãi 600.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 02 tháng là 1.200.000

đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 12/9/2023 là 126.667 đồng, thu lợi bất chính là 1.073.333 đồng. Đã trả gốc 3.000.000 đồng, còn nợ gốc 1.000.000 đồng.

+ Lần 09, ngày 13/9/2023, chuyển nợ lần 08 là 1.000.000 đồng, tính lãi 150.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 03 tháng là 450.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 50.556 đồng, thu lợi bất chính là 399.444 đồng. Còn nợ gốc 1.000.000 đồng. Đã trả xong 1.000.000 đồng sau ngày đối chất.

+ Lần 10, ngày 21/7/2023 (nhằm ngày 04/6/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, tính lãi 750.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 02 tháng là 1.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 22/9/2023 là 169.444 đồng, thu lợi bất chính là 1.330.556 đồng. Đã trả gốc 3.000.000 đồng, còn nợ vốn gốc 2.000.000 đồng.

+ Lần 11, ngày 23/9/2023, chuyển nợ lần 10 là 2.000.000 đồng, tính lãi 300.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 03 tháng là 900.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 90.000 đồng, thu lợi bất chính là 810.000 đồng. Chưa trả nợ gốc 2.000.000 đồng.

+ Lần 12, ngày 31/7/2023 (nhằm ngày 14/6/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 4.000.000 đồng, tính lãi 600.000 đồng/tháng. Thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi đã thu là 600.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 66.667 đồng, thu lợi bất chính là 533.333 đồng. Đã trả nợ gốc 4.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc cho Ngô Văn T6 vay là 37.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu 13.500.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 1.486.666 đồng, thu lợi bất chính là 12.013.334 đồng. Chưa trả nợ gốc 2.000.000 đồng.

10. Hồ Tấn P (Dão): Lãi suất là 10%/tháng, 120%/năm vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho P vay là 30.000.000 đồng. Cụ thể:

- Đợt 01, tháng 02/2023, vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 500.000 đồng, thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng. Đã trả nợ gốc 30.000.000 đồng.

- Đợt 02, ngày 17/7/2023 (nhằm ngày 30/5/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay 03 tháng, tiền lãi đã thu là 9.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 1.500.000 đồng, thu lợi bất chính là 7.500.000 đồng. Đã trả nợ gốc 30.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc cho P vay là 60.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu 12.000.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp là 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng.

11. Nguyễn Văn H1: Lãi suất là 10%/tháng, 120%/năm vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho H1 vay là 10.000.000 đồng. Cụ thể: Tháng 8/2022, vay tiền gốc 10.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay ½ tháng. Tổng số tiền lãi đã thu

là 500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 83.333 đồng, thu lợi bất chính là 416.667 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

12. Ngô Trung B1: Lãi suất là 15%/tháng, 180%/năm vượt 09 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho B1 vay là 15.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 01, ngày 11/12/2022 (nhằm ngày 18/11/2022 âm lịch) vay tiền gốc là 7.000.000 đồng, tính lãi 1.050.000 đồng/tháng, thời hạn vay 10 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 10.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 1.166.667 đồng, thu lợi bất chính là 9.333.333 đồng. Đã trả nợ gốc 7.000.000 đồng.

Lần 02, ngày 03/3/2023 (nhằm ngày 12/02/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 3.000.000 đồng, tính lãi 450.000 đồng/tháng, thời hạn vay 07 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.150.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 350.000 đồng, thu lợi bất chính 2.800.000 đồng. Đã trả nợ gốc 3.000.000 đồng.

Lần 03, ngày 18/6/2023 (nhằm ngày 01/5/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, tính lãi 750.000 đồng/tháng, thời hạn vay 04 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 333.333 đồng, thu lợi bất chính 2.666.667 đồng. Đã trả nợ gốc 5.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc cho B1 vay là 15.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu 16.650.000.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp là 1.850.000 đồng, thu lợi bất chính là 14.800.000 đồng. Đã trả nợ gốc 15.000.000 đồng.

13. Võ Thu H2: Lãi suất là 10%/tháng, 120%/năm vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho H2 vay là 10.000.000 đồng. Cụ thể: Vào tháng 10/2022, vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 166.667 đồng, thu lợi bất chính là 833.333 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

14. Huỳnh Bảo Q1 (Đen): Lãi suất là 15%/tháng, 180%/năm vượt 09 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho Q1 vay là 30.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 30/5/2023 (nhằm ngày 12/4/2023 âm lịch) vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 4.500.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi đã thu 01 tháng là 4.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 3.233.333 đồng, thu lợi bất chính là 1.266.667 đồng. Chưa trả nợ gốc 30.000.000 đồng.

15. Nguyễn Tấn T7 (T): Lãi suất là 10%/tháng, 15%/tháng, 20%/tháng, 30%/tháng tương ứng với 120%/năm, 240%/năm, 360%/năm vượt lần lượt 06 lần, 09 lần, 12 lần, 18 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T7 vay là 125.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Lần 01, ngày 22/3/2023 (nhằm ngày 01/02/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 40.000.000 đồng, tính lãi 4.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 04 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 16.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 2.666.667 đồng, thu lợi bất chính là 13.333.333 đồng. Đã trả nợ gốc 40.000.000 đồng.

+ Lần 02, ngày 26/3/2023 (nhằm ngày 05/02/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 04 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính 10.000.000 đồng. Đã trả nợ gốc 30.000.000 đồng.

+ Lần 03, ngày 15/7/2023 (nhằm ngày 28/5/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 40.000.000 đồng, tính lãi 4.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 02 tháng là 8.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 3.311.111 đồng, thu lợi bất chính là 4.688.889 đồng. Chưa trả nợ gốc 40.000.000 đồng.

+ Lần 04, ngày 29/7/2023 (nhằm ngày 12/6/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 01 tháng là 2.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 1.500.000 đồng, thu lợi bất chính là 500.000 đồng. Chưa trả nợ gốc 20.000.000 đồng.

+ Lần 05, ngày 02/8/2023 (nhằm ngày 16/6/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi đã thu 01 tháng là 3.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 2.200.000 đồng, thu lợi bất chính là 800.000 đồng. Chưa trả nợ gốc 30.000.000 đồng.

+ Lần 06, ngày 07/8/2023 (nhằm ngày 21/6/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.500.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi đã thu 01 tháng là 1.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 705.556 đồng, thu lợi bất chính 794.444 đồng. Chưa trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

+ Lần 07, ngày 12/8/2023 (nhằm ngày 26/6/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.500.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi đã thu 01 tháng là 1.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 677.778 đồng, thu lợi bất chính 822.222 đồng. Chưa trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

+ Lần 08, ngày 15/8/2023 (nhằm ngày 29/6/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi đã thu 01 tháng là 2.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 661.111 đồng, thu lợi bất chính 1.338.889 đồng. Chưa trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

+ Lần 09, ngày 31/8/2023 (nhằm ngày 16/7/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 5.000.000 đồng, tính lãi 1.500.000 đồng/tháng, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 286.111 đồng. Chưa trả nợ gốc 5.000.000 đồng.

+ Lần 10, ngày 02/10/2023 (nhằm ngày 18/8/2023 âm lịch), gộp tiền lãi còn nợ từ lần 03 đến lần 09 chuyển thành nợ gốc là 17.000.000 đồng, tính lãi 2.550.000 đồng/tháng, bị cáo chưa thu lãi.

+ Lần 11, ngày 01/11/2023 (nhằm ngày 18/9/2023 âm lịch), gộp tiền lãi còn nợ từ lần 03 đến lần 10 chuyển thành nợ gốc là 19.550.000 đồng, tính lãi 2.992.500 đồng/tháng. T7 trả nợ gốc cho bị cáo 3.500.000 đồng, bị cáo bớt cho T7 50.000 đồng. Chưa trả nợ gốc 16.000.000 đồng, tính lãi 2.400.000 đồng/tháng (15%/tháng).

+ Lần 12, ngày 03/11/2023 (nhằm ngày 29/9/2023 âm lịch), gộp tiền lãi còn nợ các lần 03, 06, 07 và 08 chuyển thành nợ gốc tổng cộng là 10.500.000 đồng,

T7 trả nợ gốc cho bị cáo 500.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng, tính lãi 1.500.000 đồng/tháng (15%/tháng).

+ Lần 13, ngày 11/12/2023 (nhằm ngày 29/10/2023 âm lịch), gộp tiền lãi còn nợ từ lần 03 đến lần 12 thành nợ gốc tổng cộng là 23.450.000 đồng, T7 trả tiền gốc 10.450.000 đồng, còn nợ lại là 13.000.000 đồng, tính lãi 1.950.000 đồng/tháng (15%/tháng).

Như vậy, tổng số tiền gốc bị cáo cho T7 vay là 195.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã nộp là 46.000.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp là 14.008.334 đồng, thu lợi bất chính là 31.991.666 đồng. Đã trả nợ gốc 84.500.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 110.500.000 đồng.

16. Đàm Duy H3 (Vĩ): Lãi suất là 10%/tháng tương ứng với 120%/năm vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho H3 vay là 30.000.000 đồng. Cụ thể: Tháng 4/2022 (nhằm tháng 3/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 02 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 6.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 1.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng. Đã trả nợ gốc 30.000.000 đồng.

17. Nguyễn Quốc T8: Lãi suất là 10%/tháng tương ứng với 120%/năm vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T8 vay là 10.000.000 đồng. Cụ thể: Tháng 6/2022 (nhằm tháng 5/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 166.667 đồng, thu lợi bất chính là 833.333 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

18. Tô Thị Huyền T9: Lãi suất là 15%/tháng tương ứng với 180%/năm vượt 09 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T9 vay là 20.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 25/9/2022 (nhằm ngày 30/8/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 12 tháng, tổng số tiền lãi đã thu là 36.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp tính đến ngày 14/12/2023 là 4.877.778 đồng, thu lợi bất chính là 31.122.222 đồng. Đã trả nợ gốc 20.000.000 đồng vào tháng 7/2024.

19. Trần Lâm D: vay 02 lần với lãi suất là 10%/tháng tương ứng với 120%/năm vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho D vay là 10.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Lần 01, ngày 30/10/2022 (nhằm ngày 06/10/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 4.000.000 đồng, tính lãi 400.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.400.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 400.000 đồng, thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng. Đã trả nợ gốc 4.000.000 đồng.

+ Lần 02, ngày 29/11/2022 (nhằm ngày 06/11/2022 âm lịch), vay tiền gốc là 6.000.000 đồng, tính lãi 600.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 500.000 đồng, thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng. Đã trả nợ gốc 6.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc bị cáo cho D vay là 10.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã nộp là 5.400.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp là 900.000 đồng, thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng.

20. Lê Phước T10: Lãi suất là 10%/tháng tương ứng với 120%/năm vượt 06 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho T10 vay là 20.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 05/3/2023 (nhằm ngày 14/02/2023 âm lịch), vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 2.000.000 đồng/tháng, T10 đã chết, không nộp lãi. Còn nợ gốc 20.000.000 đồng. Bị cáo chưa thu lãi và người vay đã chết nên không tính vào hành vi cho vay lãi nặng.

21. Võ Văn C: Lãi suất là 01%/ngày, 30%/tháng, 360%/năm vượt 18 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản tiền bị cáo dùng để cho C vay là 30.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Lần 01, tháng 02/2023, vay tiền gốc là 10.000.000 đồng, tính lãi 100.000 đồng/ngày, 05 ngày nộp 01 lần, mỗi lần nộp 500.000 đồng, nộp được 07 lần (35 ngày) với tổng số tiền lãi đã nộp 3.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp là 194.444 đồng, thu lợi bất chính là 3.305.556 đồng. Đã trả nợ gốc 10.000.000 đồng.

+ Lần 02, vào tháng 3/2023, vay tiền gốc là 20.000.000 đồng, tính lãi 200.000 đồng/ngày, 05 ngày thu lãi một lần, tổng số tiền lãi đã nộp là 1.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp 55.556 đồng, thu lợi bất chính là 944.444 đồng. Đã trả nợ gốc 20.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc C vay là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã nộp là 4.500.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp là 250.000 đồng, thu lợi bất chính là 4.250.000 đồng.

Tổng khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là 840.000.000đ, tổng số tiền vốn gốc của từng lần cho vay là 1.007.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 447.550.000 đồng. Trong đó: tiền lãi hợp pháp 85.328.335 đồng, tiền thu lợi bất chính là 362.221.665 đồng. Tiền vốn gốc mà người vay chưa trả là 252.500.000 đồng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 05/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự. Kết luận giá của tài sản định giá là 200.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 1988/KL-KTHS ngày 28/3/2024 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 (một) cây nà và 01 (một) viên bi kim loại gửi giám định là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thô sơ.

Đối với hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo đối với Nhan Ngọc T1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự và hành vi “cố ý làm hư hỏng tài sản” không đủ định lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện P đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Phước T11 đã chết vào tháng 3/2023 nên bị cáo không thu tiền lãi và gốc. Đối với người vay Đặng Hoàng D1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Minh L, Hoàng Thái H4, qua xác minh đã vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện P (nay là Công an thành phố C) chưa làm việc được, tiếp tục xác minh làm rõ, đủ cơ sở xử lý sau.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Của bị cáo như sau:

- 01 (một) cây ná thun tự chế dài khoảng 1m; 100 (một trăm) viên bi bằng kim loại, 01 (một) cây súng nhựa, màu đen không nhãn hiệu; 01 (một) cây súng nhựa, màu đen, nhãn hiệu ACCU-TEK mua trên mạng xã hội, 01 (một) ống kim loại, màu đen dài 152cm đầu có gắn lưỡi dao nhọn tự chế đã chuyển xử lý theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A30S, IMEI 1: 358544101931983, IMEI 2: 358544101931980, gắn sim số 0355224703 và số 0916656703 sử dụng cho hoạt động cho vay;

- 50 (năm mươi) tờ giấy mượn tiền chưa ghi nội dung, người cho mượn tiền Phạm Trường Q ngụ ấp T, xã G, huyện P, TP .;

- 01 (một) cây viết mực là công cụ, phương tiện phạm tội;

- 01 (một) giấy mượn tiền ngày 02/01/2024 người mượn tiền Lư Ái Q2;

- 01 (một) giấy mượn tiền ngày 20/4/2023 người mượn tiền Nguyễn Tấn T7;

- 01 (một) giấy mượn tiền ngày 30/5/2023 người mượn Huỳnh Bảo Q1;

- 01 (một) giấy mượn tiền ngày 25/9/2023 người mượn Tô Thị Huyền T9;

- 02 quyển sổ có nội dung ghi tiền cho vay là những tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo;

- Tiền Việt Nam: 44.000.000 đồng là số tiền sử dụng để cho vay.

- 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu ghi âm, ghi hình có âm thanh hỏi cung bị cáo Phạm Trường Q (kèm theo hồ sơ).

Bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính là 30.000.000 đồng.

Những người vay không yêu cầu nhận lại tiền lãi vượt mức quy định, bao gồm: (1) Lý Ngọc T2, (2) Trần Minh T3, (3) Nguyễn Văn H1, (4) Võ Thu H2, (5) Huỳnh Bảo Q1, (6) Đàm Duy H3, (7) Nguyễn Quốc T8, (8) Tô Thị Huyền T9, (9) Võ Văn C và (10) Võ Thị Bích T5.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra.

Tại bản án hình sự số: 03/2025/HS-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Trường Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Phạm Trường Quân S1 tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm chục triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.933.306 đồng (Mười ba triệu chín trăm ba mươi ba ngàn ba trăm lẻ sáu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, số tiền bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp.

Ngày 31/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng chuyên hình phạt chính của bị cáo từ phạt tiền sang hình phạt tù. Không tính án phí dân sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Xét thấy nội dung vụ án đã được làm rõ theo hồ sơ vụ án, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Tuy nhiên xét thấy:

Đối với phần hình phạt chính đối với bị cáo:

Bị cáo Phạm Trường Q đã phạm tội cho vay lãi nặng trong thời gian dài (từ tháng 04/2022 đến ngày 14/12/2023), bị cáo cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao vượt mức quy định (21 người), số tiền gốc đã cho vay và tiền lãi thu lợi bất chính lớn (tiền gốc đã cho vay là 1.092.000.000 đồng, tiền lãi đã thu là 447.550.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp 72.079.909 đồng, thu lợi bất chính là 375.470.091 đồng), quá trình bị cáo đòi nợ của người vay tiền là Nhan Ngọc T1 nhưng bị cáo đã sử dụng vũ lực, dùng hung khí nguy hiểm đe dọa, ép buộc phải trả tiền. Kết quả điều tra và lời khai tại phiên tòa cho thấy bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo Phạm

Trường Q là không đủ mang tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời chưa đảm bảo tính phòng ngừa chung trong xã hội.

Về phần án phí dân sự sơ thẩm:

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không giải quyết phần dân sự trong vụ án (không có yêu cầu của đương sự) thì không áp dụng án phí dân sự sơ thẩm (bao gồm án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch). Trong trường hợp này, bị cáo chỉ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 nêu trên. Như vậy, việc buộc bị cáo Phạm Trường Q chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền vượt quá mức lãi suất 20% cho người vay là 13.933.306 đồng là không có căn cứ và không đúng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm số: 03/2025/HS – ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án hình sự sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù. Không buộc bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 13.933.306 đồng vì đây không phải là tiền tranh chấp buộc bị cáo phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà là biện pháp tư pháp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm:

Về mức hình phạt: Luật sư không thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát chuyển hình phạt chính từ phạt tiền sang phạt tù đối với bị cáo. Bởi vì, trong vụ án này chỉ có bị cáo cho người liên quan vay tiền, bị cáo phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp, không có tính chất côn đồ, do ông T1 hăm dọa bị cáo trước, bị cáo không có ép buộc ông T1 ngày trả tiền vay, số tiền vay cho bị cáo, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nên áp dụng hình phạt chính của bị cáo là phạt tiền là phù hợp với quy định Nghị quyết 01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Điểm b Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử bị cáo hình phạt chính là phạt tiền như cấp sơ thẩm đã tuyên. Về án phí dân sự Viện kiểm sát kháng nghị là phù hợp nên luật sư không có ý kiến.

Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Viện kiểm sát kháng nghị trong thời hạn luật định, nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Đối chiếu tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Vì muốn có tiền tiêu xài và làm giàu nhanh, từ tháng 4 năm 2022 đến phát hiện là ngày 14 tháng 12 năm 2023, bị cáo Phạm Trường Q đã cho vay lãi nặng với mức lãi suất từ 10%/ tháng đến 30%/ tháng, tương ứng với mức lãi suất từ 120%/ năm đến 360%/ năm, vượt từ 06 lần đến 18 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bị cáo là người trực tiếp đưa tiền vay, thu lãi vay và tiền gốc. Tổng số tiền gốc cho vay: 1.007.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thu được: 447.550.000 đồng. Tiền thu lợi bất chính: 362.221.665 đồng. Tiền gốc người vay chưa trả: 252.500.000 đồng. Hành vi thực hiện của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Bị cáo là người đã thành niên và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi nên cố ý thực hiện. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp được một phần tiền thu lợi bất chính nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo cho vay có 02 lần thu lợi bất chính số tiền từ 30.000.000 đồng trở lên. Cụ thể: Từ ngày 02/02/2023 đến ngày 30/6/2023 bị cáo nhận của Nhan Ngọc T1 số tiền thu lợi bất chính là 66.844.444 đồng và từ ngày 25/9/2022 đến ngày 14/12/2023 bị cáo nhận của Tô Thị Huyền T9 số tiền thu lợi bất chính 31.122.222 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

[4.1] Về phân hình phạt chính:

Bị cáo Phạm Trường Q có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong thời gian dài (từ tháng 4/2022 đến ngày 14/12/2023), cho nhiều người vay tiền (21 người) với mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật; Tổng số tiền gốc cho vay: 1.007.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thu được: 447.550.000 đồng. Tiền thu lợi bất chính: 362.221.665 đồng. Tiền gốc người vay chưa trả: 252.500.000 đồng. Quá trình đòi nợ, bị cáo sử dụng vũ lực, dùng hung khí nguy

hiểm đe dọa người vay, bị cáo có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo coi thường pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra nhiều lần, bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là không đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên phạt tiền đối với bị cáo là không phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, không bảo đảm yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung, nên kháng nghị của Viện kiểm sát về phần hình phạt là có căn cứ, cần sửa án sơ thẩm, chuyển hình phạt chính sang hình phạt tù.

[4.2] Về phần án phí dân sự sơ thẩm:

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo trả lại số tiền lãi vượt mức quy định cho những người vay là biện pháp tư pháp theo điểm a, b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nhằm trả lại phần tài sản thu lợi bất chính chứ không phải là phần giải quyết dân sự trong vụ án hình sự.

Mặt khác, trong vụ án này, không có yêu cầu dân sự độc lập nào được Tòa án thụ lý và giải quyết; việc bị cáo đồng ý trả lại tiền cho người vay không phải là thỏa thuận dân sự tự nguyện. Vì vậy, không có căn cứ buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.933.306 đồng là không đúng quy định pháp luật, nên kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận toàn bộ kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Trường Q thay cho hình phạt tiền; Không buộc bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đối với bị cáo **Phạm Trường Q**. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2025/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Trường Q** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Phạm Trường Q **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu án phí.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GD, KT I;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- CQCSĐT CATP. Cần Thơ;
- TAND, VKSND, Phòng THADS khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng HSNV CATP Cần Thơ;
- UBND xã Phong Điền;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Quốc